

Bản án số 338/2024/HC-PT

Ngày 18-6-2024

V/v: khiếu kiện quyết

định hành chính trong

lĩnh vực chế độ chính sách

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Thế Lễ;

ông Hồ Sỹ Hưng.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Thành Trung - Thư kí Tòa án nhân dân cấp cao tại H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: bà Phan Diệu Nhân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 139/2024/TLPT-HC ngày 03 tháng 4 năm 2024 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực chế độ chính sách, do có kháng cáo của người bị kiện đối với Bản án số 15/2024/HC-ST ngày 31-01-2024 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6323/2024/QĐ-PT ngày 05-6-2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại H giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Bùi Xuân H sinh năm 1930; trú tại: phố A, phường B, quận L, thành phố H; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: ông Nguyễn Hữu H sinh năm 1949; trú tại: phường B, quận L, thành phố H; có mặt.

2. Người bị kiện:

- Sở lao động - thương binh và xã hội thành phố H.

- Giám đốc Sở lao động - thương binh và xã hội thành phố H.

- **Người đại diện hợp pháp:** ông Đinh Hồng P - Phó Giám đốc (theo ủy quyền); đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:**

+ Bà Lê Thị Minh H - Trưởng phòng Người có công và ông Lê Quang T, bà Nguyễn Bình T - chuyên viên phòng Người có công - Sở lao động- thương binh và xã hội thành phố H; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Sở lao động - thương binh và xã hội thành phố Hải Phòng. Người đại diện hợp pháp: ông Trần Văn H - Phó Giám đốc (theo ủy quyền); đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ông Bùi Xuân H quê quán ở V, Hải Phòng; nơi ở tại B (nay là quận L) nhập ngũ tháng 11/1951 thuộc đơn vị C58 TD648 E42; đầu năm 1952 chuyển về đơn vị C58 TD648 E50 tham gia chiến đấu và bị thương hạng 5 tạm thời vào tháng 9/1953, được trả phụ cấp thương tật từ ngày 15/9/1953, đã được Quân y viện 108 cấp Giấy chứng nhận trình độ thương tật ngày 25/3/1955. Ông H khai đã được hưởng trợ cấp thương binh hạng 12 hào/tháng từ tháng 1/1956 đến tháng 2/1960; xuất ngũ ngày 10/3/1960 về Nhà máy xe lửa Gia Lâm nhưng do chiến tranh, ông bị thất lạc giấy tờ nên không được lĩnh trợ cấp thương tật từ đó.

Ngày 18/9/2018, ông H có Đơn đề nghị Sở lao động - thương binh và xã hội (Sở LĐTBXH) thành phố Hải Phòng di chuyển hồ sơ thương binh của ông do Bộ lao động - thương binh và xã hội (Bộ LĐTBH) bàn giao về Sở LĐTBH thành phố H quản lý và thực hiện chế độ ưu đãi đối với ông H.

Ngày 24/9/2018, Sở LĐTBXH thành phố H có Văn bản 3216/SLĐTBXH-NCC gửi Sở LĐTBXH thành phố Hải Phòng đề nghị di chuyển hồ sơ thương binh bản gốc của ông H.

Ngày 24/10/2018, Sở LĐTBXH thành phố Hải Phòng đã chuyển cho Sở LĐTBXH thành phố H bản gốc hồ sơ thương binh của ông H theo Văn bản 3244/LĐTBXH-NCC gồm có: Phiếu kiểm soát, Bản kê khai danh dự để xin lĩnh phụ cấp thương tật, Giấy chứng nhận trình độ thương tật.

Ngày 02/11/2018, Giám đốc Sở LĐTBXH thành phố H có Quyết định 17843/QĐ-SLĐTBXH về việc hưởng lại chế độ trợ cấp thương tật hàng tháng đối với thương binh với nội dung: tiếp tục thực hiện các chế độ ưu đãi và chi trả trợ cấp thương tật hàng tháng theo tỷ lệ 21% loại A mức tiền 1.021.000 đồng thời gian kể từ ngày 01/11/2018 đối với ông Bùi Xuân H. Lý do hưởng lại: năm 1960, bản thân bị thất lạc giấy tờ thương binh và do điều kiện chiến tranh cơ quan đi sơ tán nên bản thân không được hưởng chế độ trợ cấp thương tật.

Ngày 31/12/2021, Sở LĐTBXH thành phố H có Văn bản 7439/SLĐTBXH-NCC gửi Cục người có công Bộ LĐTBXH xin ý kiến về trường hợp ông H đề nghị truy lĩnh trợ cấp thương tật từ năm 1960 đến tháng 10/2018 do thất lạc hồ sơ.

Tại Văn bản 260/NCC-CS1 ngày 23/3/2022, Cục người có công Bộ LĐTBXH có ý kiến: hiện nay, tại các địa phương có nhiều trường hợp đề nghị hưởng lại chế độ ưu đãi đã bị cắt, bị dừng hoặc không được hưởng chế độ hàng chục năm trước đây. Trong đó có nhiều đối tượng qua thanh tra, kiểm tra, rà soát phát hiện không đủ điều kiện hưởng hoặc do phạm tội, xuất cảnh trái phép... nên đã bị đình chỉ chế độ ưu đãi. Tuy nhiên, qua thời gian dài, có những đối tượng di

chuyển nhiều địa phương, đồng thời công tác lưu trữ hồ sơ tại nhiều cơ quan, đơn vị không tốt nên nay không xác định được lý do đối tượng bị cắt, bị dừng hoặc không được hưởng trợ cấp. Do vậy, tại thời điểm năm 2018, trường hợp người đề nghị hưởng lại chế độ ưu đãi không thuộc diện vi phạm bị đình chỉ chế độ ưu đãi theo quy định thì căn cứ khoản 4 Điều 44 Thông tư 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ LĐTBXH để xem xét, giải quyết hưởng lại chế độ ưu đãi. Trường hợp ông H không nhất trí có quyền khiếu nại theo Điều 19 Luật khiếu nại hoặc khởi kiện ra Tòa án và lấy quyết định hoặc bản án của Tòa án làm căn cứ pháp lý để giải quyết.

Giám đốc Sở LĐTBXH thành phố H có Văn bản 468/SLĐTBXH-NCC ngày 04/4/2022 trả lời việc ông H đề nghị được truy lĩnh trợ cấp thương tật từ năm 1960 đến năm 2018 chưa có cơ sở xem xét do ông H không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 44 Thông tư 05/2013/TT-BLĐTBXH.

Ông H tiếp tục khiếu nại, tại Văn bản 2204/SLĐTBXH-NCC ngày 02/6/2022, Sở LĐTBXH thành phố H gửi Binh chủng pháo binh và Lữ đoàn 45 là đơn vị hiện nay của C58 TD648 E50 về việc đề nghị giải quyết truy lĩnh trợ cấp thương tật của ông H từ năm 1960 đến năm 2018.

Tại Văn bản 189/BTM-QL ngày 17/6/2022 và Văn bản 755/LĐ-PCT ngày 25/7/2022, Bộ tham mưu Binh chủng pháo binh và Lữ đoàn 45 đã trả lời, hồ sơ lưu trữ đối với thương binh của Lữ đoàn 45 không thấy có tên ông Bùi Xuân H; truy tìm hồ sơ thương binh của ông H được xác định do Sở LĐTBXH Hải Phòng giữ, do vậy việc chi trả trợ cấp thương binh sau khi ông H chuyển ngành do Sở LĐTBXH Hải Phòng giải quyết.

Ngày 5/8/2022, Sở LĐTBXH thành phố Hải Phòng có Văn bản 3176/LĐTBXH-NCC gửi ông H có nội dung: Sở LĐTBXH thành phố Hải Phòng nhận được Văn bản 3216/SLĐTBXH-NCC ngày 24/9/2018 của Sở LĐTBXH thành phố H nên đã có Văn bản 3244/LĐTBXH-NCC ngày 24/10/2018 chuyển toàn bộ hồ sơ thương binh bản gốc của ông H đến Sở LĐTBXH thành phố H quản lý và giải quyết chế độ theo quy định.

Tại Đơn khởi kiện ngày 20/6/2023, sửa đổi bổ sung ngày 12/12/2023 và 08/01/2024, ông Bùi Xuân H yêu cầu: hủy một phần Quyết định 17843/QĐ-SLĐTBXH ngày 02/11/2018 của Giám đốc Sở LĐTBXH thành phố H; hủy Văn bản 468/SLĐTBXH-NCC ngày 04/4/2022 của Giám đốc Sở LĐTBXH thành phố H với những căn cứ sau: hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi là chứng cứ thể hiện Sở LĐTBXH thành phố Hải Phòng chưa giải quyết chế độ trợ cấp cho ông H từ năm 1960 đến năm 2018. Việc giao nhận hồ sơ thương binh nhưng không có Hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi là không đúng quy định nhưng Sở LĐTBXH thành phố H vẫn tiếp nhận. Sở LĐTBXH thành phố H không trả lời đơn khiếu nại bằng văn bản chính thức, không hướng dẫn công dân khởi kiện.

Quan điểm của người bị kiện: căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 44 Thông tư 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ LĐTBXH và Công văn 260/NCC-CS1 ngày 23/3/2023 của Cục người có công Bộ LĐTBXH, người bị

kiện ban hành Quyết định 17843 và Văn bản 468 là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông H.

Quan điểm của Sở LĐTBXH Hải Phòng: Cục người có công Bộ LĐTBXH chuyển hồ sơ của ông Bùi Xuân H cho Sở LĐTBXH Hải Phòng quản lý, lưu trữ theo nguyên quán từ năm 2000. Sở LĐTBXH Hải Phòng chưa tìm thấy biên bản, danh sách của Cục người có công về việc bàn giao hồ sơ của ông Bùi Xuân H. Theo nội dung đơn của ông H sau khi đi bộ đội, bị thương và chuyển ngành về Nhà máy xe lửa Gia Lâm công tác và sinh sống tại quận Long Biên, thành phố H cho đến nay nên Sở LĐTBXH thành phố Hải Phòng không quản lý và không có cơ sở để thực hiện chế độ ưu đãi đối với ông H.

Tại Bản án số 15/2024/HC-ST ngày 31-01-2024, Tòa án nhân dân thành phố H đã căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Pháp lệnh ưu đãi người có công năm 2005; Luật khiếu nại năm 2011, Nghị định 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ, Thông tư 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ lao động - thương binh và xã hội; quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Xuân H.

Hủy một phần Quyết định 17843/QĐ-SLĐTBXH ngày 02/11/2018 của Giám đốc Sở lao động - thương binh và xã hội thành phố H.

Buộc Giám đốc Sở lao động - thương binh và xã hội thành phố H ban hành quyết định hưởng chế độ thương binh từ trước ngày 01/11/2018 cho ông Bùi Xuân H theo đúng quy định của pháp luật.

Hủy Văn bản 468/SLĐTBXH-NCC ngày 04/4/2022 của Giám đốc Sở lao động - thương binh và xã hội thành phố H về việc trả lời đơn thư công dân.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05-3-2024, Sở lao động - thương binh và xã hội thành phố H kháng cáo không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Người bị kiện đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị chấp nhận kháng cáo của người bị kiện hủy bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền cho rằng quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với các đương sự là đúng, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có ý kiến, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H là đúng. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người bị kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng

Ông H khiếu nại Văn bản 468/SLĐTBXH-NCC ngày 04/4/2022 nên Sở LĐTBXH thành phố H có Văn bản 2204/SLĐTBXH-NCC ngày 02/6/2022 đề nghị Binh chủng pháo binh và Lữ đoàn 45 giải quyết truy lĩnh trợ cấp thương tật của ông H từ năm 1960 đến năm 2018 nhưng tại Văn bản 189/BTM-QL ngày 17/6/2022 và Văn bản 755/LĐ-PCT ngày 25/7/2022, Bộ tham mưu Binh chủng pháo binh và Lữ đoàn 45 xác định việc chi trả trợ cấp thương binh sau khi ông H chuyển ngành do Sở LĐTBXH Hải Phòng giải quyết; còn Sở LĐTBXH thành phố Hải Phòng có Văn bản 3176/LĐTBXH-NCC ngày 5/8/2022 trả lời ông H về việc đã chuyển toàn bộ hồ sơ thương binh bản gốc của ông H đến Sở LĐTBXH thành phố H quản lý và giải quyết chế độ theo quy định. Do đó xác định thời hiệu khởi kiện của ông H là 1 năm kể từ ngày nhận được Văn bản 3176/LĐTBXH-NCC ngày 5/8/2022 của Sở LĐTBXH thành phố Hải Phòng nên đơn khởi kiện của ông Bùi Xuân H nộp tại Tòa án ngày 20/6/2023 là trong thời hiệu khởi kiện. Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết vụ án là đúng.

[2]. Về nội dung

- Đối với Quyết định 17843/QĐ-SLĐTBXH ngày 02/11/2018 của Giám đốc Sở LĐTBXH thành phố H

Theo hồ sơ thương tật của ông Bùi Xuân H do Sở LĐTBXH Hải Phòng gửi cho Sở LĐTBXH H có Bản kê khai danh dự để xin lĩnh phụ cấp thương tật không ngày tháng năm 1955 của ông H có xác nhận của Sư đoàn F351 về việc ông H không biết chế độ thương tật nên không làm được giấy báo bị thương của đơn vị; Giấy chứng nhận trình độ thương tật ngày 25/3/1955 của Quân y viện 108 với nội dung ông H là đội phó C3 - D1 - E45 - F351 bị sức ép đau ngực, vết thương vào da đầu còn đau, vết thương xuyên thịt ở đùi và gối trái, thành thương tật hạng 5 tạm thời; Phiếu kiểm soát ngày 24/6/1955 của H thể hiện: Số sổ mới của Thương binh Bùi Xuân H là 2744TB theo phiếu gửi số 7 của F351 E45, bị thương tháng 9/1953 tại Vĩnh Bảo; phụ cấp thương tật trả từ ngày 15/9/1953.

Theo Điều 7 Nghị định liên bộ số 18/NĐ ngày 17/11/1954 của Bộ thương binh - Bộ Quốc phòng - Bộ Tài chính - Bộ y tế về sửa đổi lại chế độ lương hưu thương tật thành phụ cấp thương tật, việc chuẩn cấp phụ cấp thương tật do Bộ Thương binh đảm nhận; Bộ Thương binh sẽ căn cứ vào: Giấy báo bị thương do cấp chỉ huy từ đại đội trở lên cấp; Giấy xếp hạng thương tật do Hội đồng xếp hạng thương tật cấp hay giấy xếp lại hạng thương tật do Hội đồng Giám định Y khoa cấp; Giấy đề nghị của thương binh xin hưởng phụ cấp thương tật, mà ra quyết định chuẩn cấp phụ cấp thương tật và cấp cho thương binh sổ phụ cấp thương tật; việc đổi sổ phụ cấp thương tật vì sổ hết phiếu hay vì thay đổi hạng thương tật cũng do Bộ Thương binh phụ trách.

Như vậy, hồ sơ thương tật của ông H tuy không có Giấy báo bị thương và Giấy đề nghị của thương binh xin hưởng phụ cấp thương tật nhưng đã có Bản kê khai danh dự để xin lĩnh phụ cấp thương tật có xác nhận của Sư đoàn F351; có Giấy chứng nhận trình độ thương tật là đủ điều kiện để Bộ thương binh quyết định chuẩn cấp phụ cấp thương tật và cấp cho thương binh sổ phụ cấp thương tật theo quy định của pháp luật tại thời điểm đó.

Tuy nhiên, trong hồ sơ thương binh gốc của ông H do Sở LĐTBXH Hải Phòng di chuyển đến Sở LĐTBXH H không có Quyết định chuẩn cấp phụ cấp thương tật cho ông H. Do đó chưa có đầy đủ căn cứ cho rằng trước năm 1960, ông H đã được xem xét, giải quyết cho hưởng trợ cấp thương tật.

Theo lời khai của ông H, ông đã được nhận trợ cấp thương tật trong thời gian từ tháng 1/1956 đến tháng 2/1960 bằng 1 cuốn sổ màu xanh nhưng khi chuyển về Nhà máy xe lửa Gia Lâm thì ông không được cầm theo mà phải trả lại đơn vị nhưng ông H và các Cơ quan lý nhà nước như Sở LĐTBXH H, Sở LĐTBXH Hải Phòng, Bộ LĐTBXH, Lữ đoàn 45, Binh chủng pháo binh đều không cung cấp được tài liệu về việc ông H đã được chi trả trợ cấp thương binh từ năm 1955 đến năm 1960 thì bị dừng chi trả.

Theo Thông tư 39-NV/TB ngày 20/8/1959 của Bộ Nội vụ, Phiếu lĩnh phụ cấp thương tật cấp cho thương binh đã có sổ phụ cấp thương tật (kể thương tật loại vĩnh viễn và loại tạm thời) khi nào sổ đó không còn phiếu để lĩnh phụ cấp thương tật nữa. Phiếu này phải đính kèm vào sổ phụ cấp thương tật đã hết phiếu. Những sổ phụ cấp thương tật tuy đã hết phiếu, nhưng vì quá nhàu nát không thể dùng được nữa hoặc vì có nghi ngờ tẩy chữa... thì phải gửi về Bộ xét đổi lại sổ khác, mà không cấp phiếu lĩnh phụ cấp thương tật. Phiếu lĩnh phụ cấp thương tật do Bộ đặt in theo mẫu thống nhất và sẽ phân phối về các khu, thành, tỉnh. Thương binh phải có trách nhiệm giữ gìn cẩn thận phiếu lĩnh phụ cấp thương tật đính kèm vào sổ phụ cấp thương tật hết phiếu. Nếu bị mất phiếu lĩnh phụ cấp thương tật thì phải kịp thời làm đơn khai mất phiếu có chứng thực rõ ràng về lý do mất và thời gian cuối cùng đã được thanh toán phụ cấp thương tật của địa phương hay cơ quan, đơn vị, rồi gửi đến Ủy ban hành chính khu, thành, tỉnh nơi đang ở hoặc công tác để Ủy ban hành chính khu, thành, tỉnh thông báo điều tra và xét cấp phiếu lần thứ hai.

Như vậy, theo quy định tại thời kỳ này, ông H cần phải làm đơn khai mất phiếu có chứng thực rõ ràng về lý do mất và thời gian cuối cùng đã được thanh toán phụ cấp thương tật của đơn vị, rồi gửi đến UBND huyện Gia Lâm để thực hiện thủ tục điều tra, xét cấp lại phiếu. Tuy nhiên, Sở LĐTBXH H đã không có tài liệu xác minh về việc ông H có làm đơn khai mất sổ/phiếu theo quy định nêu trên tại UBND huyện Gia Lâm không trước khi xem xét, giải quyết cho ông H tiếp tục hưởng chế độ thương tật là chưa đủ căn cứ.

Theo quy định tại Thông tư 8091-TB/TBFV ngày 31/12/1959 của Bộ Nội vụ, đối với thương binh còn tại ngũ thì đơn vị phụ trách trả phụ cấp thương tật;

đối với thương binh công tác ở các cơ quan, xí nghiệp thì cơ quan, xí nghiệp có thương binh công tác phụ trách phụ cấp thương tật.

Theo quy định tại Quyết định 194-NV ngày 28/5/1962 và Thông tư 2838-NV ngày 28/5/1962 của Bộ Nội vụ, công tác phụ cấp thương tật được chuyển giao cho các UBND nhưng tất cả hồ sơ thương tật đều gửi về Bộ để lưu trữ thống nhất, các Ủy ban nên ghi cụ thể vào sổ theo dõi của địa phương.

Theo quy định tại Mục III Thông tư 38-CP ngày 03/3/1969 của Hội đồng Chính phủ, việc xác nhận quân nhân bị thương là thương binh và cấp sổ trợ cấp thương tật cho thương binh thì giao cho Bộ Quốc phòng và Bộ Công an phụ trách. Ủy ban hành chính tỉnh và thành phố chịu trách nhiệm quản lý toàn diện việc thi hành chính sách đối với thương binh ở địa phương bao gồm việc xác nhận và giải quyết quyền lợi cho thương binh.

Như vậy, theo các quy định nêu trên thì từ năm 1960 khi ông H công tác ở Nhà máy xe lửa Gia Lâm đến khi nghỉ hưu năm 1983 thì hồ sơ thương binh do các Bộ lưu giữ, quản lý; còn việc chi trả trợ cấp thương tật là do Nhà máy xe lửa Gia Lâm thực hiện. Tuy nhiên, Sở LĐTBXH H không xác minh tại Nhà máy xe lửa Gia Lâm về việc Nhà máy xe lửa Gia Lâm đã thực hiện chi trả trợ cấp thương tật cho ông H từ năm 1960 đến năm 2018 hay chưa mà đã quyết định tiếp tục thực hiện các chế độ ưu đãi và chi trả trợ cấp thương tật cho ông H là từ ngày 01/11/2018 là không có căn cứ.

Theo quy định tại Điều 19 Pháp lệnh ưu đãi người có công năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2012, thương binh là quân nhân ... bị thương làm suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên, được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cấp “Giấy chứng nhận thương binh” và “Huy hiệu thương binh”.

Theo Điều 47 Pháp lệnh ưu đãi người có công năm 2005 quy định chế độ ưu đãi theo quy định của Pháp lệnh này được áp dụng đối với những người được tiếp tục xem xét công nhận sau ngày Pháp lệnh có hiệu lực.

Khoản 4 Điều 80 Nghị định 31/2013/NĐ-CP ngày 9/4/2013 của Chính phủ được hướng dẫn bởi khoản 3 Điều 11 Thông tư 16/2014/TT-BLĐTBXH quy định, tiếp tục xác nhận những hồ sơ đã hoàn thiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực là hồ sơ thương binh đã được cấp giấy chứng nhận bị thương đúng theo quy định trước ngày 01/6/2013.

Theo quy định tại Điều 16 Thông tư 05/2013/TT-BLĐTBXH, hồ sơ xác nhận và giải quyết chế độ thương binh gồm có: Giấy chứng nhận bị thương, Giấy tờ làm căn cứ cấp giấy chứng nhận bị thương, Biên bản giám định thương tật, Quyết định cấp giấy chứng nhận thương binh và trợ cấp thương tật hàng tháng.

Ông H là quân nhân trực tiếp tham gia chiến đấu và bị thương từ năm 1953 nhưng cơ quan nhà nước có thẩm quyền và ông H không cung cấp được tài liệu chứng minh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận là thương binh và đã được cấp “Giấy chứng nhận thương binh”, “Huy hiệu thương binh”. Hồ sơ

thương binh của ông H đã được hoàn thiện trước ngày Nghị định 31/2013/NĐ-CP ngày 9/4/2013 có hiệu lực nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận thương binh nên Sở LĐTBXH H cần phải ban hành Quyết định cấp giấy chứng nhận thương binh và trợ cấp thương tật hàng tháng cho ông H theo quy định.

Sở LĐTBXH thành phố H ban hành Quyết định 17843 về việc hưởng lại chế độ trợ cấp thương tật hàng tháng đối với thương binh trong khi chỉ có lời khai của ông H, chưa có căn cứ chứng minh ông H đã được hưởng trợ cấp nay được hưởng lại là không có căn cứ. Khi không có căn cứ về việc ông H đã được trợ cấp thương tật đến tháng 10/2018 thì việc Sở LĐTBXH ban hành Quyết định 17843 cho ông H tiếp tục hưởng trợ cấp thương tật từ ngày 01/11/2018 là không đúng.

Mặt khác, Pháp lệnh ưu đãi người có công năm 2005, Pháp lệnh ưu đãi người có công sửa đổi, bổ sung năm 2012, Nghị định 31/2013/NĐ-CP ngày 9/4/2013 không có quy định nào về việc hưởng lại chế độ trợ cấp thương tật; chỉ có Điều 44 Thông tư 05/2013/TT-BLĐTBXH là có quy định về hồ sơ, thủ tục hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công bị tạm đình chỉ chế độ ưu đãi. Ông H không bị tạm đình chỉ chế độ ưu đãi nên không thuộc trường hợp áp dụng Điều 44 Thông tư 05/2013/TT-BLĐTBXH để ban hành quyết định hưởng lại chế độ trợ cấp.

Lý do Quyết định 17843 cho ông H hưởng lại chế độ trợ cấp là năm 1960 bản thân ông H bị thất lạc giấy tờ thương binh và do điều kiện chiến tranh cơ quan đi sơ tán nên bản thân không được hưởng chế độ trợ cấp thương tật là không có căn cứ pháp luật.

Quyết định 17843/QĐ-SLĐTBXH ngày 02/11/2018 về việc hưởng lại chế độ trợ cấp thương tật hàng tháng đối với thương binh do Giám đốc Sở LĐTBXH thành phố H ban hành là đúng thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 3 Điều 28 Nghị định 31/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

- Đối với Văn bản 468/SLĐTBXH-NCC ngày 04/4/2022 của Giám đốc Sở LĐTBXH thành phố H

Quyết định 17843/QĐ-SLĐTBXH ngày 02/11/2018 cho ông H hưởng lại chế độ trợ cấp thương tật từ 01/11/2018 nhưng ông H có đơn đề nghị hưởng lại chế độ trợ cấp thương tật từ năm 1960 đến năm 2018 là khiếu nại về thời gian hưởng chế độ trợ cấp thương tật của Quyết định 17843/QĐ-SLĐTBXH. Giám đốc Sở LĐTBXH thành phố H không thụ lý và ban hành quyết định giải quyết khiếu nại theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 42 Pháp lệnh người có công năm 2005 và Luật khiếu nại 2011 mà ban hành văn bản trả lời đơn là không đúng.

Tại Văn bản 260/NCC-CS1 ngày 23/3/2022 của Cục người có công Bộ LĐTBXH đã đề nghị Sở LĐTBXH thành phố H giải quyết đơn của ông H theo quy định của Luật khiếu nại nhưng Giám đốc Sở LĐTBXH thành phố H không thực hiện theo quy định.

Văn bản 260/NCC-CS1 ngày 23/3/2022 của Cục người có công Bộ LĐTBXH xác định ông H không thuộc trường hợp hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công bị tạm đình chỉ chế độ ưu đãi quy định tại Điều 44 Thông tư 05/2013/TT-BLĐTBXH là đúng. Tuy nhiên, Cục người có công Bộ LĐTBXH đã không hướng dẫn Sở LĐTBXH thành phố H thực hiện thủ tục hồ sơ xác nhận và giải quyết chế độ thương binh cho ông H theo quy định từ Điều 27 đến Điều 29 Nghị định 31/2013/NĐ-CP, Điều 18 Thông tư 05/2013/TT-BLĐTBXH là không đúng.

Khoản 4 Điều 44 Thông tư 05/2013/TT-BLĐTBXH quy định trường hợp người có công đã đi khỏi địa phương nhưng không làm thủ tục di chuyển hồ sơ, nay quay lại đề nghị tiếp tục hưởng chế độ thì hồ sơ, thủ tục thực hiện gồm: người có công làm đơn đề nghị hưởng lại chế độ (Mẫu C) gửi Sở LĐTBXH nơi quản lý hồ sơ; Sở lao động - thương binh và xã hội trong thời gian 10 ngày kể từ ngày tiếp nhận đơn có trách nhiệm ra quyết định thực hiện chế độ ưu đãi từ tháng liền kề sau tháng nhận được đơn.

Theo Sơ yếu lý lịch đảng viên kê khai, xác nhận từ năm 1974 ông H có nơi sinh, quê quán ở thôn T, xã L, huyện V, thành phố Hải Phòng; còn nơi ở của ông H cho đến nay vẫn là thôn P, xã B, huyện G (nay là phường B, quận L), thành phố H. Ông H chưa bao giờ sinh sống ở Hải Phòng và cũng chưa bao giờ đi khỏi nơi làm việc, nơi cư trú tại H từ năm 1960 cho đến nay nên ông H không thuộc trường hợp đã đi khỏi địa phương nhưng không làm thủ tục di chuyển hồ sơ nay quay lại đề nghị tiếp tục hưởng chế độ nên việc Giám đốc Sở LĐTBXH thành phố H áp dụng quy định tại Khoản 4 Điều 44 Thông tư 05/2013/TT-BLĐTBXH để ban hành Quyết định 17843 là không đúng.

Ông H không thuộc trường hợp hưởng lại chế độ trợ cấp thương tật do bị tạm đình chỉ quy định tại Điều 44 Thông tư 05/2013/TT-BLĐTBXH mà thuộc trường hợp xác nhận và giải quyết chế độ hưởng trợ cấp thương binh quy định tại điểm b khoản 3 Điều 28 và Điều 29 Nghị định 31/2013/NĐ-CP; khoản 4 Điều 16 và khoản 2 Điều 18 Thông tư 05/2013/TT-BLĐTBXH.

Quyết định 17843 đã quyết định cho ông H hưởng chế độ trợ cấp thương tật từ ngày 01/11/2018 nhưng Văn bản 468 cho rằng việc ông H đề nghị được hưởng trợ cấp thương tật từ năm 1960 đến năm 2018 chưa có cơ sở để xem xét, giải quyết là không đúng quy định của pháp luật.

Với các lý do trên, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Xuân H hủy một phần Quyết định 17843; buộc Giám đốc Sở LĐTBXH thành phố H ban hành quyết định hưởng chế độ thương binh từ trước ngày 01-11-2018 cho ông H theo quy định và hủy Văn bản 468 ngày 04-4-2022 của Giám đốc Sở LĐTBXH thành phố H là đúng. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người bị kiện.

[3]. Người bị kiện phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bác kháng cáo của Sở lao động - thương binh và xã hội thành phố H và giữ nguyên quyết định của Bản án số 15/2024/HC-ST ngày 31-01-2024 của Tòa án nhân dân thành phố H.

2. Sở lao động - thương binh và xã hội thành phố H phải nộp án phí phúc thẩm là 300.000 đồng. Xác nhận Sở lao động - thương binh và xã hội thành phố H đã nộp số tiền trên vào ngày 15-12-2023 (do ông Lê Quang T nộp) tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tp. Hà Nội;
- VKSND tp. Hà Nội;
- Cục THA dân sự tp. H;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tất Nam